(function($){if($(".mod_breadcrumb").length > 0){var li_last = $(".mod_breadcrumb").find("li.last"), more = $(".mod_breadcrumb").find(".info-more"); if(li_last.length == 0){ li_last = $(".mod_breadcrumb").find(".last"); } li_last.html("Máy nén khí trục vít tiết kiệm điện inverter ZLS 50HI+"); if(more.length > 0){ more.html("Máy nén khí trục vít tiết kiệm điện inverter ZLS 50HI+"); } } }(jQuery));




# Máy nén khí trục vít tiết kiệm điện inverter ZLS 50HI+

Mã sản phẩm**zls-50hi**

**Liên hệ**

Lượng dịch chuyển không khí tối đa: 6,8m3 / phút

Điện áp: 380V50 HZ / 3 pha

Công suất: 37KW / 50HP

Áp suất: 8 BAR

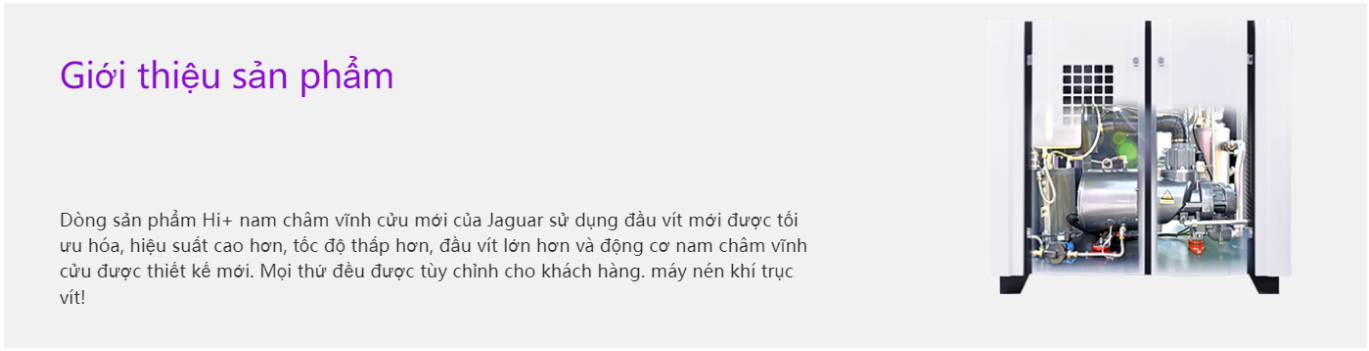
Kích thước: 1400 * 950 * 1350mm

Trọng lượng: 828KG

# ZLS-HI SERI

Máy nén trục vít biến tần nam châm vĩnh cửu Jaguar (dòng ZLS-Hi+)

Dòng biến tần nam châm vĩnh cửu Hi+ mới của Jaguar có hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng và vận hành ổn định. Đây là thương hiệu máy nén khí được vô số công ty lựa chọn. Nó được sử dụng rộng rãi trong sản xuất thiết bị, ô tô, năng lượng điện, y tế, dệt may, quang điện và các lĩnh vực khác. Hiệu quả của việc tiết kiệm năng lượng và giảm tiêu thụ là rất rõ rệt, giúp doanh nghiệp giảm chi phí và tăng hiệu quả.
Công suất: 5,5kW~250kW




chi tiết sản phẩm

Toàn bộ dòng sản phẩm sử dụng động cơ hiệu suất cao IE5

Dòng sản phẩm mới của Jaguar được trang bị động cơ hiệu suất cao chuyển đổi tần số nam châm vĩnh cửu IE5. Sơ đồ điện từ của động cơ đã được tối ưu hóa rất nhiều và hiệu suất của động cơ đã được cải thiện đáng kể. Do đó, chi phí sử dụng của người dùng đã giảm đáng kể. đã góp phần tiết kiệm hóa đơn tiền điện

cho người dùng.

Động cơ tần số biến đổi nam châm vĩnh cửu IE5 sử dụng boron sắt neodymium vật liệu đất hiếm (NdFeB) là nam châm vĩnh cửu mạnh nhất trong số các nam châm hiện đại. Nó có các đặc tính của từ tính dư cao, lực cưỡng bức cao, sản phẩm năng lượng từ tính cao và cao. tỷ lệ hiệu suất giá và dễ dàng xử lý thành nhiều kích cỡ khác nhau, hiện nay nó được sử dụng rộng rãi trong điện tử, điện âm, cơ điện, dụng cụ, dụng cụ, công nghệ y tế và các thiết bị và thiết bị khác cần từ trường vĩnh cửu. Động cơ tần số thay đổi nam châm vĩnh cửu là một thiết bị sử dụng nam châm vĩnh cửu để thiết lập từ trường kích thích để đạt được sự chuyển đổi năng lượng cơ điện hiệu quả. Nó quay đồng bộ giống như động cơ đồng bộ kích thích bằng điện và còn được gọi là động cơ đồng bộ nam châm vĩnh cửu. So với động cơ đồng bộ kích thích điện, động cơ biến tần nam châm vĩnh cửu có đặc tính tiết kiệm năng lượng tuyệt vời (lên đến IE5), cấu trúc nhỏ gọn, kích thước nhỏ và trọng lượng nhẹ. Do động cơ biến tần nam châm vĩnh cửu loại bỏ hệ thống kích thích điện nên nó được cải thiện.



Mô-đun truyền động máy trục vít nam châm vĩnh cửu mới

Động cơ chính Jaguar ZLS-Hi+ mới sử dụng tỷ lệ đầu cực lớn, hộp số đồng trục động cơ nam châm vĩnh cửu tám cấp theo tiêu chuẩn IP65, tốc độ cực thấp và tiếng ồn cực thấp sau quá trình thử nghiệm mô phỏng dài hạn và lựa chọn thử nghiệm loại. head đã đạt đến trình độ hàng đầu trong ngành. Truyền đồng trục được sử dụng để thay thế hộp số khớp nối đàn hồi ban đầu, giúp tăng đáng kể độ tin cậy, cải thiện đáng kể hiệu suất truyền và kéo dài tuổi thọ của mô-đun truyền.

Động cơ nam châm vĩnh cửu cấp lE5 được làm bằng vật liệu nam châm vĩnh cửu đất hiếm. Để đảm bảo nam châm vĩnh cửu trong động cơ nam châm vĩnh cửu không tiếp xúc với môi trường bên ngoài, máy nén khí Jaguar áp dụng hệ thống làm mát bằng chất lỏng được thiết kế độc lập. thiết kế sử dụng chất làm mát Làm mát động cơ nam châm vĩnh cửu để đảm bảo động cơ nam châm vĩnh cửu không bị mất từ tính.



Biến tần tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường

Trong toàn bộ vòng đời của máy nén khí, gần 80% chi phí được chi cho điện. Điều nghiêm trọng hơn là gần 30% đến 40% năng lượng do ngành công nghiệp sản xuất được sử dụng cho máy nén khí. Do đó, để giảm đáng kể chi phí năng lượng của bạn, máy nén trục vít nam châm vĩnh cửu Jaguar xin trân trọng giới thiệu đến bạn dòng máy nén khí nam châm vĩnh cửu VSD tần số biến thiên Jaguar. Công nghệ điều khiển biến tần VSD đã được ứng dụng thành công trong lĩnh vực máy nén khí từ nhiều năm nay và ứng dụng thành công trong nhiều lĩnh vực quan trọng, góp phần tiên tiến trong việc tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường. Nhờ sự đầu tư kỹ thuật dài hạn của Máy nén khí Jaguar vào công nghệ điều khiển tần số biến thiên VSD, Máy nén khí Jaguar có thể cung cấp máy nén khí trục vít biến tần hoàn thiện và đáng tin cậy để cung cấp cho bạn các giải pháp tiết kiệm năng lượng chuyên nghiệp!

Công nghệ điều khiển tần số biến thiên VSD của dòng tần số biến thiên nam châm vĩnh cửu của Jaguar rất phù hợp với nhu cầu sử dụng không khí thực tế. Nó hoàn toàn tự động điều chỉnh máy nén khí để phù hợp với áp suất không khí của người dùng thông qua việc điều chỉnh tần số thay đổi. được tạo ra bởi máy nén khí trục vít. Luồng khí được tự động hóa hoàn toàn để đáp ứng nhu cầu không khí thực tế của người dùng nhằm tiết kiệm năng lượng đáng kể. Có nghĩa là, nhờ nguyên tắc này, chi phí năng lượng của máy nén khí có thể được tiết kiệm đáng kể tới 50%.




内置变频专用驱动器

| 型 号 | 排气压力 MPa | 排气量 m³/min | 功率 kW/HP | 噪 音 dB( A ) | 排气口管径 inch | 冷却水口管径 inch | 冷却水流量 L/min | 重量 kg | 外形尺寸 ( L×W×Hmm ) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| ZLS 07Hi+ | 0.6 | 1.47 | 5.5/7 | 61±2 | 3/4" | / | / | 288 | 950x700x1000 |
| | 0.7 | 1.4 | | | | | | | |
| | 0.8 | 1.3 | | | | | | | |
| ZLS 10Hi+ | 0.6 | 1.85 | 7.5/10 | 61±2 | 1" | / | / | 348 | 1050x800x1100 |
| | 0.7 | 1.73 | | | | | | | |
| | 0.8 | 1.6 | | | | | | | |
| | 1.0 | 1.3 | | | | | | | |
| | 1.25 | 1.1 | | | | | | | |
| | 1.50 | 0.85 | | | | | | | |
| ZLS 15Hi+ | 0.6 | 2.8 | 11/15 | 61±2 | 1-1/4" | / | / | 368 | 1050x920x1150 |
| | 0.7 | 2.6 | | | | | | | |
| | 0.8 | 2.4 | | | | | | | |
| | 1.0 | 1.9 | | | | | | | |
| | 1.25 | 1.5 | | | | | | | |
| | 1.50 | 1.3 | | | | | | | |
| ZLS 20Hi+ | 0.6 | 3.5 | 15/20 | 62±2 | 1-1/4" | / | / | 458 | 1050x920x1150 |
| | 0.7 | 3.3 | | | | | | | |
| | 0.8 | 3 | | | | | | | |
| | 1.0 | 2.6 | | | | | | | |
| | 1.25 | 2.1 | | | | | | | |
| | 1.50 | 1.7 | | | | | | | |
| 型 号 | 排气压力 MPa | 排气量 m³/min | 功率 kW/HP | 噪 音 dB( A ) | 排气口管径 inch | 冷却水口管径 inch | 冷却水流量 L/min | 重量 kg | 外形尺寸 ( L×W×Hmm ) |
| ZLS 30Hi+ | 0.6 | 4.7 | 22/30 | 64±2 | 1-1/4" | 3/4" | 80 | 575 | 1350x1000x1290 |
| | 0.7 | 4.4 | | | | | | | |
| | 0.8 | 4.2 | | | | | | | |
| | 1.0 | 3.6 | | | | | | | |
| | 1.25 | 3.1 | | | | | | | |
| | 1.50 | 2.6 | | | | | | | |
| ZLS 40Hi+ | 0.6 | 6.5 | 30/40 | 64±2 | 1-1/2" | 3/4" | 80 | 640 | 1470x1000x1350 |
| | 0.7 | 6 | | | | | | | |
| | 0.8 | 5.6 | | | | | | | |
| | 1.0 | 5.1 | | | | | | | |
| | 1.25 | 4.2 | | | | | | | |
| | 1.50 | 3.7 | | | | | | | |
| ZLS 50Hi+ | 0.6 | 7.8 | 37/50 | 64±2 | 1-1/2" | 3/4" | 80 | 828 | 1500x1050x1400 |
| | 0.7 | 7.3 | | | | | | | |
| | 0.8 | 6.8 | | | | | | | |
| | 1.0 | 5.9 | | | | | | | |
| | 1.25 | 5.1 | | | | | | | |
| | 1.50 | 4.5 | | | | | | | |
| ZLS 60Hi+ | 0.6 | 9.5 | 45/60 | 65±2 | 1-1/2" | 1" | 200 | 1050 | 1550x1150x1460 |
| | 0.7 | 8.8 | | | | | | | |
| | 0.8 | 8.2 | | | | | | | |
| | 1.0 | 7.2 | | | | | | | |
| | 1.25 | 6.4 | | | | | | | |

| 型 号 | 排气压力 MPa | 排气量 m³/min | 功率 kW/HP | 噪 音 dB( A ) | 排气口管径 inch | 冷却水口管径 inch | 冷却水流量 L/min | 重量 kg | 外形尺寸 ( L×W×Hmm ) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| ZLS 75Hi+ | 0.6 | 12.7 | 55/75 | 65±2 | 2" | 1-1/2" | 200 | 1300 | 1800x1250x1480 |
| | 0.7 | 11.9 | | | | | | | |
| | 0.8 | 11 | | | | | | | |
| | 1.0 | 9.6 | | | | | | | |
| | 1.25 | 8.0 | | | | | | | |
| ZLS 100Hi+ | 0.6 | 16.8 | 75/100 | 66±2 | 2" | 1-1/2" | 200 | 1650 | 1950x1400x1600 |
| | 0.7 | 15.6 | | | | | | | |
| | 0.8 | 14.49 | | | | | | | |
| | 1.0 | 12.6 | | | | | | | |
| | 1.25 | 10.9 | | | | | | | |
| ZLS 125Hi+ | 0.6 | 20.37 | 90/125 | 66±2 | 2" | 1-1/2" | 200 | 2400 | 1900x1450x1630 |
| | 0.7 | 19 | | | | | | | |
| | 0.8 | 17.6 | | | | | | | |
| | 1.0 | 14.1 | | | | | | | |
| | 1.25 | 12.8 | | | | | | | |
| ZLS 150Hi+ | 0.6 | 25.6 | 110/150 | 67±2 | DN65 | 1-1/2" | 200 | 3300 | 2590x1750x1920 |
| | 0.7 | 23.8 | | | | | | | |
| | 0.8 | 22.1 | | | | | | | |
| | 1.0 | 20.6 | | | | | | | |
| | 1.25 | 16.8 | | | | | | | |

| 型 号 | 排气压力 MPa | 排气量 m³/min | 功率 kW/HP | 噪 音 dB( A ) | 排气口管径 inch | 冷却水口管径 inch | 冷却水流量 L/min | 重量 kg | 外形尺寸 ( L×W×Hmm ) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| ZLS 175Hi+ | 0.6 | 28 | 132/175 | 67±2 | DN80 | / | / | 3500 | 3100x1900x2050 |
| | 0.7 | 26.8 | | | | | | | |
| | 0.8 | 24.9 | | | | | | | |
| | 1.0 | 23.2 | | | | | | | |
| | 1.25 | 19.3 | | | | | | | |
| ZLS 200Hi+ | 0.6 | 34.8 | 160/200 | 70±2 | DN80 | / | / | 3700 | 3100x1900x2050 |
| | 0.7 | 32.4 | | | | | | | |
| | 0.8 | 30.1 | | | | | | | |
| | 1.0 | 26.8 | | | | | | | |
| | 1.25 | 21.8 | | | | | | | |
| ZLS 275Hi+ | 0.6 | 41.8 | 200/275 | 80±2 | DN100 | DN65 | 400 | 6500 | 3600x2100x2050 |
| | 0.7 | 38.9 | | | | | | | |
| | 0.8 | 36.17 | | | | | | | |
| | 1.0 | 32.4 | | | | | | | |
| | 1.25 | 27.6 | | | | | | | |
| ZLS 350Hi+ | 0.6 | 48.6 | 250/350 | 82±2 | DN100 | DN65 | 400 | 7900 | 3950x2300x2200 |
| | 0.7 | 45.2 | | | | | | | |
| | 0.8 | 42.3 | | | | | | | |
| | 1.0 | 38.4 | | | | | | | |
| | 1.25 | 34.3 | | | | | | | |

## Sản phẩm khác



Máy nén khí trục vít tiết kiệm điện inverter ZLS15 HI+

**Giá: Liên hệ**



Máy nén khí trục vít tiết kiệm điện inverter ZLS10 HI+

**Giá: Liên hệ**



Máy nén khí trục vít tiết kiệm điện inverter ZLS 350HI+

**Giá: Liên hệ**



Máy nén khí trục vít tiết kiệm điện inverter ZLS 275HI+

**Giá: Liên hệ**



Máy nén khí trục vít tiết kiệm điện inverter ZLS 200HI+

**Giá: Liên hệ**



Máy nén khí trục vít tiết kiệm điện inverter ZLS 175HI+

**Giá: Liên hệ**